| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 308/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Hữu Hậu
2. Ông Nguyễn Duy Thắng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lâm Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại Toà án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 1312/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2026, Thông báo về việc dời lịch phiên toà hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1312 ngày 25/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 418/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ).

- *Bị đơn*: Ông Đặng Phước L, sinh năm 1994.
Địa chỉ: B, khu phố B, phường L, thành phố Đ

(Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đặng Phước L vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H trình bày:**

Bà và ông Đặng Phước L quen biết, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 25/1/2022 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, thành phố Đ), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2022 theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hoà hợp, bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân.

Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn như trước, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Phước L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có với nhau 01 (một) con chung tên Nguyễn Đặng Bảo A sinh ngày 17/8/2022. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Đặng Bảo A. Ông L không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Đặng Phước L lên Tòa làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông L không lên Tòa làm việc và cũng không có ý kiến trình bày nào khác.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai phát biểu ý kiến:**

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thanh H với ông Đặng Phước L; về con chung giao cháu Nguyễn Đặng Bảo A, sinh ngày 17/8/2022 cho bà Nguyễn Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đặng Phước L không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn khai không có không đề nghị Tòa án giải quyết. Bị đơn không có ý kiến trình bày đối với phần con chung, phần tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

***[1] Tố tụng:***

***- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:***

Bà Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng Phước L. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà H là nguyên đơn, ông L là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

***- Về thẩm quyền giải quyết:*** Bị đơn ông Đặng Phước L đang cư trú tại phường L, thành phố Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà H1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

***- Về thủ tục tố tụng khác:*** Bà Nguyễn Thanh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Đặng Phước L đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

***[2] Về nội dung tranh chấp***:

**[2.1]** Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh H và ông Đặng Phước L có đăng ký kết hôn và được UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay phường L, thành phố Đ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số số 17/2022 ngày 25/1/2022. Hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy: Theo lời khai của bà H, sau khi kết hôn, bà H, ông L chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp và không còn thương yêu, tôn trọng nhau. Bà H xác định mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại biên bản xác minh ngày 23 tháng 3 năm 2026, Ủy ban nhân dân phường L thể hiện nội dung mâu thuẫn giữa bà H, ông L địa phương không nắm rõ. Từ khi bà H gửi đơn xin ly hôn cũng như trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông L. Những lần triệu tập khác và phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử ông L vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L đã có mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Ông L bỏ mặc nên việc đoàn tụ, tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc là không thực hiện được. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, bà H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông

L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thanh H.

**[2.2]** Về con chung: Bà H xác định có 01 (một) con chung tên Nguyễn Đặng Bảo A sinh ngày 17/8/2022. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Đặng Bảo A. Ông L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện tại cháu Nguyễn Đặng Bảo A đang sống với bà H, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L để lấy ý kiến về việc chăm sóc con chung nhưng ông L vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến về nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo việc đảm bảo ổn định cuộc sống phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần của cháu A, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc giao cháu A cho bà H chăm sóc và nuôi dưỡng, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông L được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết, ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

**[2.3]** Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L không cung cấp lời khai về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

**[2.4]** Về nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L không cung cấp lời khai về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

**[3]** Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

**[4]** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 71, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H đối với bị đơn ông Đặng Phước L.

Bà Nguyễn Thanh H được ly hôn với ông Đặng Phước L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đặng Bảo A cho bà Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông L được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết, ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010605 ngày 08/12/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Bà H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND KV1 - Đồng Nai;
- Thi hành án DS thành phố Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai;
- UBND P.Long Hưng, thành phố Đồng Nai;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Ngọc Trí**